Daňový doklad-Faktura č. (số hóa đơn)	

Dodavatel (người cung cấp hàng)		Odběratel (người nhận hàng)	
Název (tên ct)		Název (tên ct)	
Ulice č.p. (đường và số)		Ulice č.p. (đường và số)	
Město, PSČ (thành phố)		Město, PSČ (thành phố)	
IČ		IČ	
DIČ		DIČ	
tel:		tel:	
e-mail:		e-mail:	

		Datum vystavení (ngày viết hóa đơn)	
Forma úhrady: (phương pháp thanh toán)		Datum splatnosti (ngày thanh toán)	
HOTOVĚ (tiền mặt)		Datum uskutečnění plění (ngày áp dụng thuế	

Bankovní učet (tài khoản)		
Číslo (số):		Poznámka (ghi chú)
Variabilní symbol:		
Konstantní symbol:		

Označení položky (tên mặt hàng)	**Množství** (số lượng)	**Cena bez DPH** (giá không thuế DPH)	**Celkem bez DPH** (tổng chưa thuế DPH)	Sazba DPH (mức thuế DPH	DPH	Celkem vč DPH (tổng bao gồm DPH)
	Částka k úhradě (tổng tiền thanh toán)					

Dodavatel - Người cung cấp hàng	Odběratel - người mua hàng